

Type equation here.

ĐẠI SỐ TUẦN 8: SỐ VÔ TỈ. KHÁI NIỆM VỀ CĂN BẬC HAI. SỐ THỰC

1. Số vô tỉ .

Định nghĩa: Số vô tỉ là số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn không tuần hoàn.

Kí hiệu: Tập hợp các số vô tỉ : I .

2. Khái niệm căn hai

Định nghĩa: Căn bậc hai của một số a không âm là số x sao cho $x^2 = a$.

Số dương a có đúng hai căn bậc hai là hai số đối nhau:

Số dương kí hiệu: $\sqrt{a}$.

Số âm kí hiệu : $-\sqrt{a}$.

Số 0 có đúng một căn bậc hai chính là số 0 , ta viết $\sqrt{0} = 0$.

Ví dụ 1.

-Số 9 có hai căn bậc hai là: $\sqrt{9} = 3$ và $-\sqrt{9} = -3$.

-Số $\frac{36}{25}$ có hai căn bậc hai là: $\sqrt{\frac{36}{25}} = \frac{6}{5}$ và $-\sqrt{\frac{36}{25}} = -\frac{6}{5}$.

-Số 3 có hai căn bậc hai là: $\sqrt{3}$ và $-\sqrt{3}$.

3. Số thực

Định nghĩa: Số vô tỉ và số hữu tỉ gọi chung là số thực .

Tập hợp các số thực kí hiệu : R

VD: $-3; \frac{4}{5}; -0,12; \sqrt{3}; 5\frac{1}{3} \dots$ gọi là số thực .

Với hai số thực bất kỳ $x; y$ ta luôn có $x = y$ hoặc $x > y$ hoặc $x < y$.

Với hai số thực dương a và b nếu $a > b$ thì $\sqrt{a} > \sqrt{b}$.

LUYỆN TẬP

Bài 92(SGK) Sắp xếp các số thực:

$$-3,2 ; 1; \frac{-1}{2} ; 7,4 ; 0 ; -1,5$$

a/ Theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

$$-3,2 < -1,5 < \frac{-1}{2} < 0 < 1 < 7,4.$$

b/ Theo thứ tự từ nhỏ đến lớn của các giá trị tuyệt đối của chúng:

$$|0| < \left| \frac{1}{2} \right| < |1| < |-1,5| \\ < |3,2| < |7,4|.$$

Bài 93SGK)

Tìm x biết;

$$a/ 3,2.x + (-1,2).x + 2,7 = -4,9$$

$$-2,7.x - 3,86 = -9,8$$

$$2.x = -7,6$$

$$x = -3,8$$

$$b/ -5,6.x + 2,9.x - 3,86 = -9,8$$

$$2.x + 2,7 = -4,9$$

$$-2,7.x = -5,94$$

$$x = 2,2$$

HÌNH HỌC TUẦN 8: TỔNG BA GÓC CỦA MỘT TAM GIÁC

1) Tổng ba góc của một tam giác

• Ta có định lí sau :

Tổng ba góc của một tam giác bằng 180° .

Tam giác ABC có: $\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

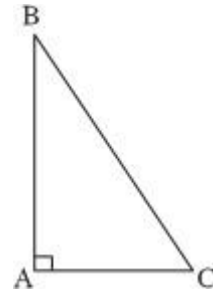
2) Tam giác vuông

Định nghĩa : Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông.

$$\triangle ABC, \hat{A} = 90^\circ \Rightarrow \hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$$

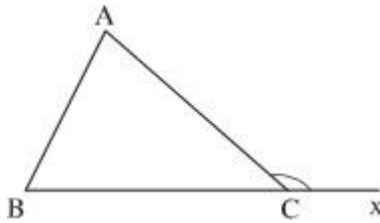
- Ta có định lí :

Trong một tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau.



3) Góc ngoài của tam giác

Định nghĩa : Góc ngoài của một tam giác là góc kề bù với một góc của tam giác ấy.



- Ta có định lí về tính chất góc ngoài của tam giác :

Mỗi góc ngoài của một tam giác bằng tổng của hai góc trong không kề với nó.

Nhận xét : Góc ngoài của tam giác lớn hơn mỗi góc trong không kề với nó.

LUYỆN TẬP

Bài 1. Cho $\triangle ABC$ có góc $\widehat{ABC} = 70^\circ$; $\widehat{BAC} = 80^\circ$. Tính góc ABC

- Vẽ tia phân giác của $\angle BAC$ cắt BC tại D. Tính các góc $\angle BAD, \angle DAC$ Type equation here.
- Tính các góc $\angle ADC; \angle ADB$

Bài 2. Cho $\triangle ABC$ có $\hat{A} = 70^\circ, \hat{C} = 50^\circ$. Tia phân giác của góc B cắt AC ở E.

- Tính số các góc $\angle ABC; \angle AEB$
- Tia phân giác của góc BEC cắt BC ở F. Tính số đo góc $\angle CEF$

